

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 434/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 04 tháng 11 năm 2024

NGHỊ QUYẾT
Về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024
nguồn ngân sách địa phương

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI BA (CHUYÊN ĐỀ)

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 47/2019/QH14 ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 39/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Quyết định số 1603/QĐ-TTg ngày 11 tháng 11 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao kế hoạch đầu tư vốn ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 20 tháng 9 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù;

Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND ngày 09 tháng 11 năm 2020 của HĐND tỉnh về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương và cho ý kiến phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương;

Căn cứ Nghị quyết số 384/NQ-HĐND ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương và cho ý kiến phương án phân bổ ngân sách trung ương năm 2024;

Xét Tờ trình số 2494/TTr-UBND ngày 26 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương; Báo cáo thẩm tra số 545/BC-HĐND ngày 31 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại Kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương của tỉnh Gia Lai, như sau:

Điều chỉnh điểm a, khoản 1, Điều 1 Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương; điều chỉnh điểm 2.1 khoản 2 Điều 1 Nghị quyết số 348/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của HĐND tỉnh về việc kéo dài thời gian bố trí vốn, kéo dài thời gian thực hiện và giải ngân kế hoạch đầu tư công nguồn ngân sách địa phương năm 2023 sang năm 2024; điều chỉnh khoản 1, 2 Điều 1 Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương; điều chỉnh Phụ lục số 4.1 ban hành kèm theo Nghị quyết số 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của HĐND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương, các chương trình mục tiêu quốc gia và thông qua phương án phân bổ vốn năm 2024 nguồn ngân sách trung ương, cụ thể:

1. Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư

1.1. Điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024:

a) Điều chỉnh giảm vốn 02 dự án với số vốn là 20.326 triệu đồng và vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia, gồm:

(1) Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0): Giảm 9.820 triệu đồng (giảm hết vốn bố trí kế hoạch đầu tư công năm 2024).

(2) Hồ thị trấn Phú Hòa, huyện Chư Păh: Giảm 10.506 triệu đồng (giảm từ 20.000 triệu đồng xuống còn 9.494 triệu đồng).

b) Điều chỉnh tăng vốn 20.326 triệu đồng, cho các dự án sau:

(1) Phòng trưng bày Không gian văn hoá công chiêm Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh: Tăng 326 triệu đồng.

(2) Bổ sung vốn cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: 20.000 triệu đồng (tăng từ 20.000 triệu đồng lên 40.000 triệu đồng).

1.2. Điều chỉnh kế hoạch vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024:

a) Điều chỉnh giảm vốn 02 dự án với số vốn giảm 21.498,141 triệu đồng; gồm:

(1) Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghiệp lần thứ 4 (4.0): Giảm 10.000 triệu đồng (giảm hết vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024).

(2) Vốn đối ứng Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiểu dự án tỉnh Gia Lai: Giảm 11.498,141 triệu đồng (giảm từ 13.235,484 triệu đồng xuống còn 1.737,343 triệu đồng).

b) Điều chỉnh tăng 21.498,141 triệu đồng để xử lý hụt thu năm 2019 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

(Kèm theo Biểu 1, Biểu 2).

2. Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023

2.1. Điều chỉnh giảm vốn chuẩn bị đầu tư với số vốn 631,738 triệu đồng (giảm từ 13.710 triệu đồng xuống còn 13.078,062 triệu đồng).

2.2. Điều chỉnh tăng 631,738 triệu đồng để xử lý hụt thu năm 2019 đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới.

(Kèm theo Biểu 3, Phụ lục 1, 2).

3. Nguồn tiền sử dụng đất

Điều chỉnh giảm vốn 06 dự án và đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới để xử lý hụt thu năm 2019 với số vốn là 187.381,621 triệu đồng, gồm:

(1) Dự án cải tạo nút giao thông Phù Đồng thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai: Giảm 43.000 triệu đồng.

(2) Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai: Giảm 20.322 triệu đồng.

(3) Đường phía Đông thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai: Giảm 35.000 triệu đồng.

(4) Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc, thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai: Giảm 956 triệu đồng.

(5) Dự án Trụ sở làm việc các Ban quản lý rừng phòng hộ: Giảm 3.675 triệu đồng.

(6) Dự án Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa: Giảm 3.820 triệu đồng.

(7) Vốn đối ứng Chương trình mục tiêu quốc gia nông thôn mới để xử lý hụt thu năm 2019: Giảm 80.608,621.

(Kèm theo Biểu 4, Phụ lục 2).

4. Bổ sung nguồn kinh phí điều chỉnh giảm dự toán của một số đơn vị dự toán cấp tỉnh:

Chỉ cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh: 8.479,902 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu 5).

5. Điều chỉnh vốn đối ứng (vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư năm 2024) thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi:

a) Điều chỉnh giảm vốn:

- Dự án Sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Le 2, xã Ia Lang, huyện Đức Cơ giảm: 4.000 triệu đồng.

b) Điều chỉnh tăng vốn:

- Dự án 2 “Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư Buôn Ma Giai, xã Đất Bằng, huyện Krông Pa tăng: 4.000 triệu đồng.

(Kèm theo Biểu 5, Phụ lục 3).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

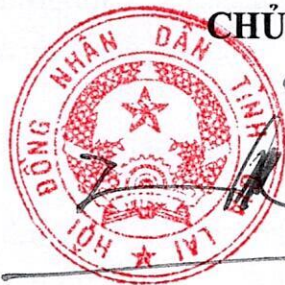
1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Hai mươi ba (chuyên đề) thông qua ngày 04 tháng 11 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. *W*

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Tài chính; Kế hoạch và Đầu tư;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các VP: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên



Biểu 1

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024 TỈNH GIA LAI QUA CÁC LẦN GIAO, ĐIỀU CHỈNH

(Theo Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Vốn Kế hoạch năm 2024 TTCP giao tại QĐ số 1603/QĐ-TTg ngày 11/12/2023; Quyết định số 1739/QĐ-TTg ngày 29/12/2023	Kế hoạch ĐTC năm 2024 HĐND tỉnh giao tại NQ 308/NQ-HĐND ngày 08/12/2023; Vốn kéo dài năm 2023 sang 2024 HĐND tỉnh giao tại NQ 348/NQ-HĐND ngày 6/5/2024	Kế hoạch ĐTC năm đã giao 2024 và qua các lần giao điều chỉnh (1)	Kế hoạch năm 2024 dự kiến điều chỉnh đợt 2		Kế hoạch năm 2024 sau điều chỉnh đợt 2
					Giảm	Tăng	
1	Kế hoạch đầu tư công năm 2024	2.153.813	2.200.150	1.965.690,932	208.339,359	29.437,640	1.786.789,213
a.	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí	903.813	903.813	898.813	20.326	20.326	898.813
b.	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	1.250.000	1.296.337	959.094,524	187.381,621		771.712,903
-	Đầu tư từ tiền sử dụng đất năm 2024		1.250.000	932.831,621	187.381,621		745.450,000
-	Nguồn kết dư tiền sử dụng đất			26.262,903			26.262,903
c.	Nguồn tăng thu năm 2023 dành để đầu tư			76.296	631,738	631,738	76.296
d.	Nguồn kinh phí điều chỉnh giám dự toán của một số đơn vị dự toán cấp tỉnh					8.479,902	8.479,902
2	Vốn ngân sách địa phương kéo dài năm 2023 sang năm 2024		48.208,640	48.208,640	21.498,141	21.498,141	48.208,640
a	Vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư		48.208,640	48.208,640	21.498,141	21.498,141	48.208,640

Ghi chú: Nghị quyết số 345/NQ-HĐND ngày 06/5/2024 của HĐND tỉnh về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương và cho ý kiến phương án phân bổ NSTW năm 2024; Nghị quyết số 383/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh về việc điều chỉnh kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương; Nghị quyết số 384/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh về việc quyết định kế hoạch đầu tư công năm 2024 nguồn ngân sách địa phương và cho ý kiến phương án phân bổ NSTW năm 2024.

Biên 2
BIÊN BẢN KIỂM HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUYÊN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (BẦU TƯ TRONG CÁN ĐỐI THEO TIÊU CHÍ)
(Kèm theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC- HT	Quyết định Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2024: vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024: vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 sau điều chỉnh		Chi chủ
					Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
A	Vốn trong cân đối theo tiêu chí tính quyết định đầu tư						170.555	170.555	73.055,484	73.055,484	41.824,141	41.824,141	73.055,484	73.055,484	
A.1	Điều chỉnh kế hoạch năm 2024						70.000	70.000	49.820	49.820	20.326	20.326	49.820	49.820	
A.1.1	Điều chỉnh giảm						70.000	70.000	29.820	29.820	20.326	-	9.494	9.494	
I	Khoa học công nghệ						20.000	20.000	9.820	9.820	9.820	-	-	-	
I	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghệ lần thứ 4 (4.0)	Thành phố Pleiku	2023- 2024	745/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	20.000	20.000	20.000	20.000	9.820	9.820	9.820		-	-	Điều chỉnh giảm vốn do chủ đầu tư đề nghị xin dừng thực hiện dự án.
II	Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản						50.000	50.000	20.000	20.000	10.506	-	9.494	9.494	
I	Hồ thỉ trấn Phú Hòa, huyện Chư Pah	Huyện Chư Pah	2023- 2025	383/QĐ-UBND ngày 29/6/2021; 616/QĐ-UBND ngày 14/11/2022, 564/QĐ- UBND ngày 18/5/2023	89.500	50.000	50.000	50.000	20.000	20.000	10.506		9.494	9.494	Điều chỉnh giảm do công tác đền bù, giải phóng mặt bằng chiếm (đền này mới phê duyet phương án đền bù); thời tiết không thuận lợi, do ảnh hưởng mưa mùa nên khối lượng thực hiện của dự án không đạt so với tích dự thi công đề ra.
A.1.2	Điều chỉnh tăng						106.700	106.700	20.000	20.000	-	20.326	40.326	40.326	
I	Văn hóa						6.700	6.700	-	-	-	326	326	326	
I	Phòng trưng bày Không gian văn hoá công chúng Tây Nguyên tại Bảo tàng tỉnh	Thành phố Pleiku	2023	410/NQ-HĐND ngày 17/6/2021; 374/NQ-HĐND ngày 10/7/2024	6.700	6.700	6.700	6.700				326	326	326	Bổ trí vốn chuẩn bị đầu tư dự án
II	Cấp vốn điều lệ cho các NS chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài NS; cấp bù lại suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa; hỗ trợ hợp tác xã						100.000	100.000	20.000	20.000		20.000	40.000	40.000	

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn BTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2024, vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024, vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 sau điều chỉnh		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
I	Ngân hàng chính sách		2021-2025				100.000	100.000	20.000	20.000		20.000	40.000	40.000	(1) Năm 2024 bổ tr 20 tỷ đồng đã giải ngân xong; chủ đầu tư đề nghị bổ sung vốn. (2) Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 bổ tr cho Ngân hàng chính sách là 100 tỷ đồng, đến năm 2024 đã bổ tr 80 tỷ đồng. Đề xuất bổ tr bổ sung 20 tỷ đồng năm 2024 để đẩy nhanh tiến độ kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025
A.1.2	Vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024						100.555	100.555	23.235,484	23.235,484	21.498,141	21.498,141	23.235,484	23.235,484	
A.1.2.1	Điều chỉnh giảm						100.555	100.555	23.235,484	23.235,484	21.498,141	-	1.737,343	1.737,343	
I	Khoa học công nghệ						20.000	20.000	10.000	10.000	10.000	-	-	-	
I	Xây dựng và phát triển hạ tầng cơ sở thông tin khoa học công nghệ phục vụ cách mạng công nghệ lần thứ 4 (4.0)	Thành phố Pleiku	2023-2024	743/QĐ-UBND ngày 20/12/2022	20.000	20.000	20.000	20.000	10.000	10.000	10.000		-	-	Điều chỉnh giảm vốn do chủ đầu tư đề nghị xin dừng dự án. Ngoài giảm vốn năm 2024, chủ đầu tư đề xuất giảm vốn kéo dài năm 2023 sang năm 2024 nguồn cân đối theo tiến chi là 10 tỷ đồng
II	Giao thông						80.555	80.555	13.235,484	13.235,484	11.498,141	-	1.737,343	1.737,343	
I	Vốn đối ứng Dự án hỗ trợ phát triển khu vực biên giới, vay vốn ADB - tiêu dự án tỉnh Gia Lai	Tỉnh Gia Lai	2017-2023	734/QĐ-UBND 28/7/2016; 1039/QĐ-UBND 15/10/2018; 401/QĐ-UBND 28/7/2022; 668/QĐ-UBND 20/6/2023	566.663	106.663	80.555	80.555	13.235,484	13.235,484	11.498,141		1.737,343	1.737,343	Dự kiến chi thực hiện và giải ngân 1.737,343 triệu đồng phục vụ công tác quyết toán các hạng mục đã hoàn thành. Số vốn giảm bổ tr lại trong kế hoạch đầu tư công năm 2025 khi được cấp có thẩm quyền cho phép giải hạn thời gian thực hiện dự án
A.1.2.2	Điều chỉnh tăng						-	-	-	-					
II	Bổ tr kinh phí xử lý hạt thu năm 2019						-	-	-	-	21.498,141	21.498,141	21.498,141	21.498,141	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		2021-2025								21.498,141	21.498,141	21.498,141	21.498,141	Để điều chỉnh bổ tr từ nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí trả nợ cho CTN/TOG xây dựng nông thôn mới hui 2019 phải điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn 2021-2025

BIỂU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023)



ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn ĐTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
B	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023						13.710	13.710	13.710	13.710	631,738	631,738	13.078,262	13.078,262	
B.1	Điều chỉnh giảm						13.710	13.710	13.710	13.710	631,738	-	13.078,262	13.078,262	
1	Vốn chuán bị đầu tư						13.710	13.710	13.710	13.710	631,738		13.078,262	13.078,262	Có phụ lục 1 kèm theo
B.2	Điều chỉnh tăng						43.878	43.878	43.878	43.878		631,738	44.509,738	44.509,738	
I	Bổ trợ kinh phí xử lý hạt thu năm 2019						43.878	43.878	43.878	43.878		631,738	44.509,738	44.509,738	
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới						43.878	43.878	43.878	43.878		631,738	44.509,738	44.509,738	Có phụ lục 2 kèm theo

[Handwritten signature]



Phụ lục 1

**ĐIỀU CHỈNH VỐN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ ĐƯỢC BỎ TRÍ TỪ
NGUỒN TĂNG THU NGÂN SÁCH TỈNH NĂM 2023**

(Kèm theo Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
	Tiền sử dụng đất				1.244.000	1.236.000	13.710	631,738	13.078,262	
1	Xây dựng chốt chiến đấu dân quân thường trực các xã biên giới đất liền trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2025	Chư Prông, Đức Cơ, Ia Grai	2022-2025	10180/QĐ-BCH ngày 15/12/2021	51.650	51.650	1.530		1.530	
2	Xây dựng bệnh viện 331	Thành phố Pleiku	2024-2026	326/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	300.000	300.000	1.840		1.840	
3	Cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước trên địa bàn tỉnh Gia Lai	Các huyện, thị xã, thành phố	2023-2024	197/QĐ-SKHĐT ngày 27/9/2021	53.000	45.000	120		120	
4	Đường nội thị thị trấn Ia Kha, huyện Ia Grai, tỉnh Gia Lai	Huyện Ia Grai	2023-2025	835/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	40.000	40.000	570		570	
5	Đường Lê Thánh Tôn (đoạn từ Trường Chính trị đến Trường Lâm nghiệp), thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	2024-2026	2340/QĐ-UBND ngày 26/8/2021	160.000	160.000	1.140	66	1.074	
6	Đường nội thị thị trấn Kông Chro, huyện Kông Chro, tỉnh Gia Lai	Huyện Kông Chro	2024-2026	37/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	90.000	90.000	940		940	
7	Đường giao thông huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai	Huyện Krông Pa	2024-2026	287/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	80.000	80.000	530		530	
8	Đường giao thông huyện Chư Prông, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Prông	2024-2026	1426/QĐ-UBND ngày 04/8/2021	75.000	75.000	800	68	732	
9	Đường giao thông huyện Đăk Đoa, tỉnh Gia Lai	Huyện Đăk Đoa	2024-2026	1466/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	70.000	70.000	510		510	
10	Đường giao thông huyện Phú Thiện, tỉnh Gia Lai	Huyện Phú Thiện	2024-2026	240/QĐ-UBND ngày 29/6/2021	70.000	70.000	1.580	384,738	1.195	
11	Đường liên xã huyện Đăk Pơ, tỉnh Gia Lai	Huyện Đăk Pơ	2024-2026	1318/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	70.000	70.000	1.710		1.710	
12	Đường nội thị huyện Mang Yang, tỉnh Gia Lai	Huyện Mang Yang	2024-2026	1099/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	66.000	66.000	580	113	467	
13	Đường nội thị huyện Ia Pa, tỉnh Gia Lai	Huyện Ia Pa	2024-2026	212/QĐ-UBND ngày 28/7/2021	60.000	60.000	570		570	
14	Nâng cấp, mở rộng Đường Tăng Bạt Hổ, thị trấn Chư Ty, huyện Đức Cơ, tỉnh Gia Lai	Huyện Đức Cơ	2025-2026	1183/QĐ-UBND ngày 20/7/2021	35.000	35.000	360		360	

24

STT	Nguồn vốn	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương, Quyết định đầu tư ban đầu hoặc Quyết định đầu tư điều chỉnh			Kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Điều chỉnh giảm kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	Kế hoạch vốn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 sau điều chỉnh	Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư					
					Tổng số	Trong đó: NSDP				
15	Đường giao thông quy hoạch Tây sông Ba, huyện Kbang, tỉnh Gia Lai	Huyện Kbang	2025-2026	244/QĐ-UBND ngày 19/7/2021	35.000	35.000	390		390	
16	Đường nội thị huyện Chư Puh, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Puh	2025-2026	56/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	230		230	
17	Trung tâm hoạt động thanh thiếu nhi tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	2024-2025	324/QĐ-UBND ngày 16/7/2021	20.000	20.000	310		310	

78



Phụ lục 2

**BỔ SUNG VỐN ĐỀ THU HÒI TẠM ỨNG KINH PHÍ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH
MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2019**

(Kèm theo Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

ĐVT: Triệu đồng

STT	Đơn vị	Kế hoạch năm 2024 tiền SDD tỉnh đầu tư bố trí để hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XD NTM năm 2019 (tại Nghị quyết số 383/NQ- HĐND ngày 10/7/2024)	Giảm kế hoạch vốn năm 2024 tiền SDD tỉnh đầu tư bố trí để hoàn trả tạm ứng kinh phí thực hiện Chương trình MTQG XD NTM năm 2019	Bổ sung vốn			Ghi chú
				Tổng số	Nguồn vốn trong cân đối theo tiêu chí tỉnh đầu tư kéo dài năm 2023 sang năm 204	Nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023	
	Tổng số	80.608,621	80.608,621	22.129,879	21.498,141	631,738	
1	Thị xã Ayunpa	5.141,236	5.141,236	3.269,058	2.637,320	631,738	
2	Huyện Chư Păh	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
3	Huyện Phú Thiện	5.389,644	5.389,644	-			
4	Huyện Ia Pa	5.389,644	5.389,644	-			
5	Huyện Đăk Pơ	8.084,047	8.084,047	-			
6	Huyện Mang Yang	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
7	Huyện Đăk Đoa	5.389,644	5.389,644	-			
8	Huyện Đức Cơ	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
9	Huyện Kông Chro	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
10	Huyện Chư Pưh	5.389,644	5.389,644	-			
11	Huyện Chư Sê	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
12	Huyện Ia Grai	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
13	Huyện Chư Prông	2.694,403	2.694,403	2.694,403	2.694,403		
14	Huyện Kbang	26.963,941	26.963,941	-			

Handwritten signature



Biên 4
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (TIỀN SỬ DỰNG ĐẤT TỈNH ĐẦU TƯ)
theo Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh

ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Loại hình đầu tư	Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
C	Điều chỉnh giảm nguồn tiền sử dụng đất tỉnh đầu tư					80.608,621	80.608,621	187.381,621	-	-	-	
I	Giao thông					568,000	558,956	99,278				
I	Cải tạo nút giao thông Phú Đông thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai	Thành phố Pleiku	2022-2024	194/QĐ-UBND ngày 14/4/2022	120.000	120.000	43.000	43.000	43.000	43.000	43.000	-
2	Đường hành lang kinh tế phía Đông (đường tránh Quốc lộ 19), tỉnh Gia Lai	Pleiku, Đak Đoa, Chư Păh	2022-2025	1143/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	1.325.000	425.000	425.000	20.322		20.322		-
3	Đường phía Đông thị trấn Nhơn Hòa, huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai	Huyện Chư Păh	2021-2024	488/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 894/QĐ-UBND ngày 02/10/2023	70.000	70.000	70.000	35.000		35.000		-
4	Đường nối từ đường Lý Thường Kiệt đến đường vành đai phía Bắc thị xã An Khê, tỉnh Gia Lai	Thị xã An Khê	2021-2024	491/QĐ-UBND ngày 29/5/2021; 622/QĐ-UBND ngày 17/11/2022; 1021/QĐ-UBND ngày 15/11/2023	30.000	30.000	20.956	956		956		
II	Hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập.					16.000	52.000	7.495	7.495	7.495		-
I	Tư vấn làm việc các ban quản lý rừng phòng hộ	Kông Pa, Chư Păh, Đak Đoa	2022-2024	276/QĐ-BQLĐA ngày 25/6/2021; 255/QĐ-SKHDT ngày 02/12/2021	12.000	12.000	12.000	3.675		3.675		-
2	Hạt kiểm lâm huyện Đak Đoa	Huyện Đak Đoa	2022-2023	275/QĐ-BQLĐA ngày 25/6/2021; 257/QĐ-SKHDT ngày 06/12/2021; 186/QĐ-SKHDT ngày 14/11/2022	4.000	4.000	40.000	3.820		3.820		
III	Xử lý hạt thu năm 2019					80.608,621	80.608,621	80.608,621	-	-	-	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới		2021-2025			80.608,621	80.608,621	80.608,621				Điều chỉnh giảm tương ứng với số vốn sung tăng từ nguồn cân đối theo tiêu chí và nguồn tăng thu ngân sách tỉnh năm 2023 (Cò phụ lục 2 kèm theo).

74

Biểu 5
ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 NGUỒN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG (CTMQ & NHCSXH TỈNH GIA LAI)



ĐVT: triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Địa điểm XD	Thời gian KC-HT	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn DTC trung hạn giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2024		Điều chỉnh giảm vốn	Điều chỉnh tăng vốn	Kế hoạch năm 2024		Ghi chú
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP	Tổng số	Trong đó: NSDP			Tổng số	Trong đó: NSDP	
D	Nguồn kinh phí điều chỉnh giảm dự toán của một số đơn vị dự toán cấp tỉnh											8.479,902	8.479,902	8.479,902	
I	Chi cho Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh Gia Lai		2021-2025									8.479,902	8.479,902	8.479,902	Bổ sung theo Thông báo số 232/TB-HDND ngày 11/10/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai
E	Điều chỉnh kế hoạch vốn đầu tư phát triển chương trình mục tiêu quốc gia										4.000	4.000			Có phụ lục 3 kèm theo

Handwritten signature



PHỤ LỤC 3
ĐIỀU CHỈNH VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NĂM 2024 CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN
KT-XH VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI
(Kèm theo Nghị quyết số 434/NQ-HĐND ngày 04 tháng 11 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

DVT: Triệu đồng

STT	Địa bàn	Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Tổng số	Trong đó:		Ghi chú
			Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh (1)		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh		Ngân sách Trung ương	Ngân sách tỉnh (1)	
1	Địa phương giảm vốn																
	Huyện Đức Cơ	28.963	17.230	11.733	15.350	11.940	3.410	10.790	5.290	5.500	-4.000	-4.000	6.790	5.290	1.500		Vướng mắc trong công tác giải phóng mặt bằng công trình (Chưa có quy định đơn giá đền bù cây cao su)
-	Dự án 2: Dự án sắp xếp, bố trí ổn định dân cư làng Lơ 2, xã Ia Lang	28.963	17.230	11.733	15.350	11.940	3.410	10.790	5.290	5.500	-4.000	-4.000	6.790,0	5.290,0	1.500,0		
2	Địa phương điều chỉnh tăng vốn																
	Huyện Krông Pa	17.015	10.120	6.895	8.430	6.430	2.000	3.690	3.690		4.000,0	4.000,0	7.690,0	3.690,0	4.000,0		
-	Dự án 2: Dự án sắp xếp, bố trí ổn định các hộ dân tộc thiểu số du canh, du cư Buôn Ma Giát, xã Đất Bàng	17.015	10.120	6.895	8.430	6.430	2.000	3.690	3.690		4.000,0	4.000,0	7.690,0	3.690,0	4.000,0		Dự án có khối lượng thực hiện và giải ngân cao

Ghi chú: Nguồn vốn đầu tư trong cân đối theo tiêu chí tình đầu tư

[Handwritten signature]